

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 297/2023/DS-PT

Ngày: 12 - 9 - 2023

“V/v: *Tranh chấp di sản thừa kế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình.

Các Thẩm phán:

1. Bà Lê Thị Thanh Huyền;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 185/2023/TLPT-DS ngày 10/7/2023, về việc: “*Tranh chấp di sản thừa kế*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 07/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 245/2023/QĐ-PT, ngày 09/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 214/2023/QĐ-PT ngày 24/8/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm: 1951; địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị N; địa chỉ: Đường Q, tổ dân phố T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Ngô Thị Kim P, sinh năm: 1970; địa chỉ: Đường P, tổ dân phố S, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2.2. Ông Ngô Quang N1, sinh năm: 1975; địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

2.3. Ông Ngô Quang T, sinh năm: 1974; địa chỉ: Tổ dân phố MS, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Võ Ngọc C; địa chỉ: Đường L, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Ngô Thị Kim P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/ Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị H và người đại diện theo ủy quyền trình bày có nội dung như sau:*

Ông Ngô C và bà Trần Thị H là vợ chồng, sống chung với nhau từ trước năm 1970 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống ông Ngô C và bà Trần Thị H có với nhau 03 người con là: Ngô Thị Kim P, sinh năm 1970; Ngô Quang T, sinh năm 1974 và Ngô Quang N1, sinh năm 1975. Quá trình chung sống, vợ chồng ông C, bà H đã tạo lập được khối tài sản chung gồm: Quyền sử dụng đất thửa số 09b, tờ bản đồ số 05, được Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 676027 ngày 30/7/2007, diện tích 110m²; Quyền sử dụng đất thửa số 11, tờ bản đồ số 05, được Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 496883, ngày 26/12/2002, diện tích 98m²; trên 02 thửa đất đất có 02 nhà cấp 4.

Ngày 26/8/2012, ông Ngô C chết và không để lại di chúc, hiện nay bà H tuổi cao sức yếu và còn bị nhiều bệnh tật, không ai chăm sóc. Do đó, bà H khởi kiện đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của ông Ngô C, về những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông C là vợ và các con của ông C, còn bố mẹ của ông C đã chết trước ông C, cụ thể yêu cầu chia như sau: Chia đôi tài sản của bà H và ông C, sau đó chia phần di sản của ông C làm 04 phần cho 04 người thừa kế để bà H nhận một phần; bà H có nguyện vọng là được nhận và sử dụng nhà, đất thuộc thửa đất số 09b, tờ bản đồ số 05, diện tích 110m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI676027 để làm nơi ở và thờ cúng. Đối với thửa số 11, tờ bản đồ số 05, được Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 496883, ngày 26/12/2002, diện tích 98m², đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của bà Ngô Thị Kim P về việc chia tài sản thừa kế là của hàng phụ tùng xe ô tô, quyền sử dụng đất của thửa đất số 182, tờ bản đồ số 05, diện tích 194m² và thửa đất số 491, tờ bản đồ số 05, diện tích 150m², thì bà H không đồng ý và có ý kiến như sau:

Sau khi ông C chết một mình bà H đứng ra lo việc tang lễ, ông C chết để lại một cửa hàng phụ tùng xe ô tô, nhưng do bà H đau ốm không buôn bán được nên cửa hàng tại thành phố H đã thu gom lại toàn bộ hàng hóa để thu hồi nợ, toàn bộ giấy tờ bàn giao đều trả cho họ đối chiếu nên bà H không còn giấy tờ gì. Sau khi nghỉ bán bà H có lên Ủy ban thị trấn P để xin xác nhận lại việc được miễn thuế. Năm 2017 bà H vào bệnh viện ung bướu thành phố Hồ Chí Minh nhập viện điều trị và dưỡng bệnh nên đến ngày 31/7/2018 bà H mới đăng ký kinh doanh lại để kiếm thu nhập trang trải cuộc sống. Việc bà P, ông Tuấn, ông N1 cho rằng hàng hóa trong cửa hàng toàn bộ là tài sản ông C để lại và khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là hoàn toàn không có cơ sở, các phụ tùng ô tô trong cửa hàng khi tòa đến thẩm định tại chỗ là toàn bộ hàng hóa bà H nhập mới để tiếp tục kinh doanh chứ không liên quan gì đến tài sản của ông C để lại.

Về quyền sử dụng đất thửa đất số 182, tờ bản đồ số 05, diện tích 194m², tại đường Q, tổ dân phố T, thị trấn P và thửa đất số 491, tờ bản đồ số 05, diện tích 150m², địa chỉ: đường N, tổ dân phố MH, thị trấn P do Ủy ban nhân dân huyện K cấp vào năm 2007 cho ông Ngô C, mà bà P, ông T và ông N1 cho rằng bà H đã

chuyển nhượng là tài sản chung của bà H và ông C, thì bà Trần Thị H xác định việc bà chuyển nhượng 01 thửa (không nhớ cụ thể thửa nào), bà dùng số tiền này để trả nợ cho ngân hàng, lo ma chay, xây mộ, sửa nhà, chữa bệnh và dùng một ít để làm vườn lan; ngoài ra không chuyển nhượng thêm bất cứ thửa đất nào nữa.

**/ Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Ngô Thị Kim P, ông Ngô Quang T, ông Ngô Quang N1 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày có nội dung như sau:*

Bà Ngô Thị Kim P, ông Ngô Quang T và ông Ngô Quang N1 là con của ông Ngô C và bà Trần Thị H. Quá trình chung sống bà H và ông C tạo lập được các tài sản gồm: Thửa đất số 09b, tờ bản đồ số 05, diện tích 110m², thửa đất tọa lạc tại thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 676027 ngày 30/7/2007 cho hộ ông Ngô C và bà Trần Thị H, trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4 và thửa đất số 11, tờ bản đồ số 05, diện tích 98m², thửa đất tọa lạc tại thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 496883 ngày 26/12/2002 cho hộ ông Ngô C, trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4.

Ngày 26/8/2012 ông Ngô C chết, không để lại di chúc, tài sản chung của ông C và bà H chưa chia. Về những người được hưởng di sản thừa kế của ông C gồm có bà H (vợ ông C), bà Ngô Thị Kim P, ông Ngô Quang T và ông Ngô Quang N1 (các con ông C), còn bố mẹ ông C1 đã chết trước ông C.

Việc bà Trần Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế đối với các tài sản của ông C và bà H theo quy định của pháp luật, thì bị đơn không đồng ý chia mà để lại các tài sản này làm nhà từ đường thờ cúng tổ tiên. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

**/ Trong đơn yêu cầu ngày 07/11/2018 và quá trình giải quyết vụ án, bà Ngô Thị Kim P và ông Ngô Quang T trình bày và yêu cầu chia di sản thừa kế của ông C1 các tài sản khác gồm:*

Quyền sử dụng đất của thửa đất số 182, tờ bản đồ số 05, diện tích 194m², tại đường Q, tổ dân phố T, thị trấn P, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp vào năm 2002 cho ông Ngô C và thửa đất số 491, tờ bản đồ số 05, diện tích 150m², địa chỉ: đường N, tổ dân phố MH, thị trấn P, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp vào năm 2007 cho ông Ngô C. Hai thửa đất này, bà H đã chuyển nhượng cho người khác, là tài sản chung của bà H và ông C1. Về quyền sử dụng đất của thửa đất số 182, tờ bản đồ số 05, diện tích 194m², tại đường Q, tổ dân phố T, thị trấn P do Ủy ban nhân dân huyện K cấp vào năm 2002 cho ông Ngô C, bị đơn đang thu thập địa chỉ của người nhận chuyển nhượng và cung cấp cho Tòa án.

Đối với tài sản là hàng hóa phụ tùng trong cửa hàng ô tô, bà H cho rằng đã trả lại cho cửa hàng tại thành phố H để trừ nợ là không chính xác, việc bà H có trả lại hàng hóa cho cửa hàng tại thành phố H là đúng, tuy nhiên việc mua bán của cửa hàng là không có nợ, bà H trả lại hàng hóa là để nhận lại tiền khoảng 500.000.000 đồng, giấy tờ, hóa đơn về việc giao nhận hàng hóa, tiền vốn do bà H lưu giữ, nên không thể cung cấp cho Tòa án. Việc kê khai phụ tùng, hàng hóa có giá trị là 10.660.000 đồng là không chính xác, giá trị tài sản mà bà H đang lưu giữ nhiều hơn,

nên sẽ tiếp tục thu thập chứng cứ để khởi kiện bổ sung. Tại phiên toà sơ thẩm bà Ngô Thị Kim P xin rút một phần yêu cầu về chia giá trị hàng hoá là 10.660.000 đồng.

Các bị đơn cho rằng bà H đang quản lý rất nhiều tài sản chung của gia đình và cũng đã chuyển nhượng nhiều thửa đất nhưng bị đơn không có ý kiến và chỉ mong muốn bà H giữ lại thửa đất số 09b, tờ bản đồ số 05, diện tích 110m² và thửa đất số 11, tờ bản đồ số 05, diện tích 98m² để làm nhà thờ từ đường cho gia đình; bị đơn không mong muốn chia và nhận di sản thừa kế của ông Ngô C1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 07/4/2023 của Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 161, Điều 220, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 33 Luật Hôn nhân gia đình 2014; Điều 649, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H về việc yêu cầu chia di sản thừa kế.

1.1. Tài sản chung của ông Ngô C và bà Trần Thị H gồm: Nhà và quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 496883 cấp ngày 26/12/2002 diện tích 98m²; Nhà và quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 676027 cấp ngày 30/7/2007 diện tích 110m². Tổng giá trị tài sản là 5.012.414.000 đồng.

1.2. Tài sản riêng của bà Trần Thị H có giá trị là 2.506.206.778 đồng.

1.3. Giá trị di sản do ông Ngô C để lại thừa kế là 2.506.206.778 đồng.

1.4. Di sản thừa kế được chia như sau:

Bà Trần Thị H, bà Ngô Thị Kim P, ông Ngô Quang N1, ông Ngô Quang T mỗi người được hưởng 01 kỷ phần di sản thừa kế có giá trị là 626.551.694,5 đồng (làm tròn 626.551.694 đồng).

Giao cho bà Trần Thị H được quản lý sử dụng nhà và quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 676027, cấp ngày 30/7/2007, diện tích 110m² (thực tế đo đạc là 160,3m² trong đó có 39,9m² nằm trong quy hoạch giao thông), trên đất có 01 nhà cấp 4 diện tích 120,4m² có giá trị là 2.448.390.560 đồng.

Giao cho bà Ngô Thị Kim P, ông Ngô Quang T và ông Ngô Quang N1 được quản lý, sử dụng nhà và quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 496883 cấp ngày 26/12/2002 diện tích 98m² (thực tế đo đạc là 172,5m² trong đó có 36,6m² nằm trong quy hoạch giao thông), trên đất có 01 nhà cấp 4 diện tích 81,364m². Tài sản có giá trị là 2.564.022.996 đồng.

Bà Ngô Thị Kim P, ông Ngô Quang T và ông Ngô Quang N1 phải bù chênh lệch cho bà Trần Thị H số tiền 684.367.912 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Ngô Thị Kim P đối với yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất số 182, tờ bản đồ số 05, diện tích 194m², và thửa đất số 491, tờ bản đồ số 05, diện tích 150m²; giá trị tài sản là 350.000.000 đồng.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện phản tố của bị đơn bà Ngô Thị Kim P đối với yêu cầu chia giá trị hàng hóa là 10.660.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/4/2023, bị đơn bà Ngô Thị Kim P có đơn kháng cáo, với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn để bù trừ phần di sản bị đơn được hưởng mà nguyên đơn đã sử dụng trái phép.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện; bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến, với nội dung: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chia di sản thừa kế đối với quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 496883 cấp ngày 26/12/2002 diện tích 98m² và quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 676027 cấp ngày 30/7/2007 diện tích 110m², là có căn cứ và đúng pháp luật. Đối với yêu cầu của bị đơn bà Ngô Thị Kim P, về chia di sản là thửa đất số 182, diện tích 194m² và thửa đất số 491, diện tích 150m², nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh các thửa đất này là tài sản chung của ông C và bà H, nên không có cơ sở để xem xét. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị Kim P; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về tố tụng: Đối với bị đơn ông Ngô Quang N1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Ngô Quang N1 là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị Kim P, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, cả nguyên đơn bà Trần Thị H và các bị đơn bà Ngô Thị Kim P, ông Ngô Quang T và ông Ngô Quang N1 đều thừa nhận: Trong thời kỳ hôn nhân bà H và ông Ngô C có tạo lập được tài sản chung là: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 496883 cấp ngày 26/12/2002 diện tích 98m² (thực tế đo đạc là 172,5m² trong đó có 36,6m² nằm trong quy hoạch giao thông), trên đất có 01 nhà cấp 4 diện tích 120,4m² và quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 676027 cấp ngày 30/7/2007 diện tích 110m² (thực tế đo đạc là 160,3m² trong đó có 39,9m² nằm trong quy hoạch giao thông), trên đất có 01 nhà cấp 4 diện tích 81,361m². Ngày 26/8/2012, ông Ngô C chết và không để lại di chúc, nên bà H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với tài sản trên. Theo kết quả thẩm định giá thì 02 thửa đất và công trình trên đất có giá trị là 5.012.414.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm đã xác định phần tài sản của bà Trần Thị H là $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản (5.012.414.000 đồng : 2 = 2.506.207.000 đồng). Ông C chết không để lại di chúc nên $\frac{1}{2}$ tài sản có giá trị là 2.506.207.000 đồng của ông C được xác định là di sản thừa kế và được chia theo quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự 2015, là đúng đắn.

[2.2] Bản án sơ thẩm đã chia di sản của ông Ngô C cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông C, gồm bà Trần Thị H (vợ ông C) và các con của ông C là bà H là bà Ngô Thị Kim P, ông Ngô Quang T và ông Ngô Quang N1, mỗi người được hưởng 01 kỷ phần bằng nhau, là có căn cứ và đúng pháp luật. Đồng thời cả nguyên đơn và bị đơn đều đồng ý với việc chia di sản thừa kế trên của bản án sơ thẩm và không ai có kháng cáo. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm có sự nhầm lẫn khi tính toán trị giá tài sản, nên cấp phúc thẩm cần sửa lại cho đúng. Cụ thể phần di sản thừa kế của ông C được chia cho 04 người thừa kế là: 2.506.207.000 đồng : 4 = 626.551.750 đồng/01 kỷ phần. Như vậy bà Trần Thị H, bà Ngô Thị Kim P, ông Ngô Quang T và ông Ngô Quang N1 mỗi người được hưởng phần giá trị tài sản thừa kế là 626.551.750 đồng; giao cho bà Trần Thị H được quyền sở hữu, quản lý sử dụng nhà và đất theo Giấy sử dụng đất số AI 676027, cấp ngày 30/7/2007, trên đất có 01 căn nhà cấp 4, có giá trị là 2.448.390.560 đồng; giao cho bà Ngô Thị Kim P, ông Ngô Quang T và ông Ngô Quang N1 được sở hữu, quản lý sử dụng nhà và quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số V 496883 cấp ngày 26/12/2002, trên đất có 01 nhà cấp, có giá trị là 2.564.022.996 đồng và buộc bà Ngô Thị Kim P, ông Ngô Quang T và ông Ngô Quang N1 bù chênh lệch cho bà Trần Thị H số tiền 684.368.190 đồng, mỗi người phải bù chênh lệch là 228.122.730 đồng.

[2.3] Đối với nội dung kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị Kim P cho rằng sau khi ông Ngô C chết, bà Trần Thị H đã chuyển nhượng tài sản chung của ông C và bà H là thửa đất số 182, tờ bản đồ số 05, diện tích 194m² và thửa đất số 491, tờ bản đồ số 05, diện tích 150m². Bà P trình bày và yêu cầu chia di sản thừa kế những tài sản trên, nhưng bà P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh và giấy tờ

pháp lý của 02 thửa đất này, để chứng minh đây là tài sản của ông C và bà H; không xác định được tình trạng sử dụng và hiện nay ai là người quản lý, sử dụng đất; còn nguyên đơn bà H xác định bà và ông C không có các tài sản này. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nhưng không làm rõ được tình trạng những tài sản mà bà P yêu cầu chia thừa kế. Do đó nội dung kháng cáo của bà Ngô Thị Kim P yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 182, tờ bản đồ số 05, diện tích 194m² và thửa đất số 491, tờ bản đồ số 05, diện tích 150m², là không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm cho rằng đây là yêu cầu phản tố và bác yêu cầu phản tố của bà P, buộc bà P phải chịu án phí về yêu cầu bị bác là không đúng, bởi vì: Đây là vụ án chia di sản thừa kế, việc bị đơn yêu cầu chia các tài sản khác ngoài các tài sản mà nguyên đơn đã khởi kiện, thì sẽ được xem xét, giải quyết trong vụ án nếu có căn cứ xác định đó là di sản thừa kế; nội dung yêu cầu và trình bày của bị đơn về các tài sản cần chia không phải là để đối trừ nghĩa vụ. Xét thấy, trong vụ án này bị đơn có yêu cầu chia các tài sản khác là di sản thừa kế nhưng do chưa cung cấp được chứng cứ chứng minh và chưa làm rõ được tình trạng các tài sản yêu cầu chia, nên để đảm bảo quyền lợi của bà P và các đồng thừa kế, Hội đồng xét xử cần tách yêu cầu của bà P về chia di sản thừa kế là thửa đất số 182, tờ bản đồ số 05, diện tích 194m² và thửa đất số 491, tờ bản đồ số 05, diện tích 150m², để giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có căn cứ chứng minh và có yêu cầu khởi kiện, là phù hợp. Do đó, cần chấp nhận đơn kháng cáo của bà Ngô Thị Kim P, sửa bản án sơ thẩm về yêu cầu phản tố và án phí.

[4] Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Ngô Thị Kim P có đơn đề nghị Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ và tiến hành xem xét thẩm định tài sản thửa đất số 182, tờ bản đồ số 05, diện tích 194m², và thửa đất số 491, tờ bản đồ số 05, diện tích 150m². Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nhưng không làm rõ được phần tài sản mà bà P yêu cầu chia; đồng thời bà P chưa cung cấp được các tài liệu chứng cứ để chứng minh những tài sản trên là di sản thừa kế do ông Ngô C để lại và bản án phúc thẩm đã tách yêu cầu này để giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu. Do đó, yêu cầu này của bà P là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần và sửa bản án sơ thẩm, nên người kháng cáo bà Ngô Thị Kim P không phải chịu phí dân sự phúc thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị Kim P; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 07/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, về phần yêu cầu phản tố của bà Ngô Thị Kim P và phần án phí.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 649, 650, 651 và 660 của Bộ luật dân sự; Điều 12, Điều 26 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H về việc yêu cầu chia di sản thừa kế.

1.1. Tài sản chung của ông Ngô C và bà Trần Thị H gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 496883 cấp ngày 26/12/2002, diện tích 98m²; quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 676027 cấp ngày 30/7/2007 diện tích 110m²; tổng giá trị tài sản là 5.012.414.000 đồng.

1.2. Tài sản riêng của bà Trần Thị H có giá trị là 2.506.207.000 đồng (hai tỷ năm trăm lẻ sáu triệu hai trăm lẻ bảy nghìn đồng).

1.3. Phần di sản do ông Ngô C để lại thừa kế có giá trị là 2.506.207.000 đồng (hai tỷ năm trăm lẻ sáu triệu hai trăm lẻ bảy nghìn đồng).

1.4. Di sản thừa kế của ông Ngô C được chia như sau:

Bà Trần Thị H, bà Ngô Thị Kim P, ông Ngô Quang N1 và ông Ngô Quang T, mỗi người được hưởng 01 kỷ phần di sản thừa kế có giá trị là 626.551.750 đồng (sáu trăm hai mươi sáu triệu năm trăm năm mươi một nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Giao cho bà Trần Thị H được quyền sở hữu, quản lý và sử dụng tài sản quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 676027, cấp ngày 30/7/2007, đứng tên hộ ông Ngô C1 và bà Trần Thị H, thửa đất số 09b, tờ bản đồ số 05, diện tích 110m² (thực tế đo đạc là 160,3m², trong đó có 39,9m² nằm trong quy hoạch giao thông), trên đất có 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 120,4m²; địa chỉ thửa đất tại thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; tài sản có giá trị là 2.448.390.560 đồng (hai tỷ bốn trăm bốn mươi tám triệu ba trăm chín mươi nghìn năm trăm sáu mươi đồng).

Giao cho bà Ngô Thị Kim P, ông Ngô Quang T và ông Ngô Quang N1 được quyền sở hữu, quản lý và sử dụng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số V 496883 cấp ngày 26/12/2002, đứng tên hộ Ngô C, thửa đất số 11, tờ bản đồ số 05, diện tích 98m² (thực tế đo đạc là 172,5m², trong đó có 36,6m² nằm trong quy hoạch giao thông), trên đất có 01 căn nhà cấp 4 diện tích 81,364m²; địa chỉ thửa đất tại thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; tài sản có giá trị là 2.564.022.996 đồng (hai tỷ năm trăm sáu mươi bốn triệu không trăm hai mươi hai nghìn chín trăm chín mươi sáu đồng).

Bà Ngô Thị Kim P, ông Ngô Quang T và ông Ngô Quang N1 phải bù chênh lệch về tài sản cho bà Trần Thị H số tiền là 684.368.190 đồng, chia theo phần mỗi người phải bù chênh lệch số tiền là 228.122.730 đồng (hai trăm hai mươi tám triệu một trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu của bị đơn bà Ngô Thị Kim P về yêu cầu chia giá trị hàng hóa số tiền là 10.660.000 đồng.

3. Tách yêu cầu của bà Ngô Thị Kim P đối với yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất số 182, tờ bản đồ số 05, diện tích 194m², và thửa đất số 491, tờ bản đồ số 05, diện tích 150m², để giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có đủ căn cứ chứng minh và có đơn khởi kiện.

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định tại chỗ, chi phí đo đạc và chi phí thẩm định giá tài sản, tổng cộng là 45.100.000 đồng, bà Trần Thị H đã nộp tạm ứng và đã chi phí xong. Các đương sự phải chịu như sau:

Bà Trần Thị H phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền chi phí tố tụng là 22.550.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp là 45.100.000 đồng. Bà Trần Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp là 22.550.000 đồng, sau khi thu được từ bà Ngô Thị Kim P, ông Ngô Quang T và Ngô Quang N1.

Bà Ngô Thị Kim P, ông Ngô Quang T và Ngô Quang N1 phải chịu chi phí tố tụng là 22.550.000 đồng, chia theo phần mỗi người phải chịu 7.516.666,666 đồng (làm tròn là 7.516.667 đồng), để hoàn trả lại cho bà Trần Thị H.

5. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị H là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn bà Ngô Thị Kim P, ông Ngô Quang T và ông Ngô Quang N1, mỗi người phải tiền chịu án phí dân sự sơ thẩm là 29.062.000 đồng (hai mươi chín triệu không trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Bà Ngô Thị Kim P được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.016.500 đồng theo biên lai số AA/2017/0009589 ngày 16/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk và bà Ngô Thị Kim P còn phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 20.045.500 đồng (hai mươi triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

5.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Ngô Thị Kim P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0017033, ngày 10/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ 2);
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- TAND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Bình